BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /2018/TT-BGTVT *Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1501
Ngày: 27/4/18
Chuyển: VG

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm đường sắt.

Điều 3. Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đăng kiểm viên đường sắt là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này, được công nhận là Đăng kiểm viên đường sắt để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt và đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị theo quy định pháp luật.

2. Đăng kiểm viên đường sắt gồm 02 hạng, như sau:

a) Đăng kiểm viên đường sắt;

b) Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.

Chương II
TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỜNG SẮT

Điều 4. Tiêu chuẩn của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt

a) Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành đầu máy, toa xe, tàu điện metro, kỹ thuật hệ thống đường sắt, thông tin tín hiệu đường sắt;

b) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của pháp luật;

d) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt trước khi công nhận Đăng kiểm viên đường sắt;

đ) Có thời gian tập huấn, thực tập nghiệp vụ Đăng kiểm viên đường sắt đủ 01 (một) năm trở lên.

2. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

a) Có tổng thời gian giữ hạng Đăng kiểm viên đường sắt đủ 05 (năm) năm trở lên;

b) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao trước khi công nhận Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao;

d) Có thời gian tập huấn, thực tập nghiệp vụ về thẩm định hồ sơ thiết kế mới phương tiện đủ 02 (hai) năm trở lên.

Điều 5. Nhiệm vụ của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt

a) Thẩm định hồ sơ thiết kế hoán cải các loại phương tiện giao thông đường sắt;

b) Tham gia thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị;

c) Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện, tổng thành, phương tiện giao thông đường sắt;

d) Lập hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Tính các loại giá và lệ phí đăng kiểm;

e) Hướng dẫn thực hành cho học viên đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt;

g) Tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ dành cho Đăng kiểm viên đường sắt;

h) Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu.

2. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao thực hiện các nhiệm vụ của Đăng kiểm viên đường sắt theo quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài ra còn thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, tham mưu xây dựng, bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thẩm định hồ sơ thiết kế mới các loại phương tiện giao thông đường sắt;

c) Chủ trì thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị và đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị;

d) Phúc tra kết quả kiểm tra của Đăng kiểm viên đường sắt, tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ và đánh giá năng lực Đăng kiểm viên đường sắt;

e) Tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ dành cho Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao;

g) Tham gia phân tích, xác định nguyên nhân sự cố tai nạn giao thông đường sắt khi có yêu cầu.

Điều 6. Quyền hạn của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở thiết kế, chế tạo, đóng mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm, quản lý phương tiện, thiết bị cung cấp các hồ sơ kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện công tác đăng kiểm.

2. Bảo lưu và báo cáo lãnh đạo cấp trên các ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo phụ trách trực tiếp về kết luận đánh giá tình trạng kỹ thuật, sự phù hợp của đối tượng thẩm định, kiểm tra, đánh giá.

3. Ký và sử dụng dấu, ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ đăng kiểm cho đối tượng được thẩm định, kiểm tra, đánh giá theo quy định.

4. Từ chối thực hiện thẩm định, kiểm tra, đánh giá nếu công việc được phân công vượt quá năng lực chuyên môn nghiệp vụ đã được công nhận hoặc khi nhận thấy các điều kiện an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.

Điều 7. Trách nhiệm của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đăng kiểm viên đường sắt chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.

2. Đăng kiểm viên đường sắt thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đăng kiểm và quy định của pháp luật.

Chương III
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỜNG SẮT

Điều 8. Tập huấn nghiệp vụ

1. Hằng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Đăng kiểm viên đường sắt, Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.

2. Nội dung chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với Đăng kiểm viên đường sắt được quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

3. Căn cứ nội dung chương trình tập huấn quy định tại Điều 9 của Thông tư này, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, ban hành tài liệu tập huấn nghiệp vụ cho Đăng kiểm viên đường sắt.

Điều 9. Chương trình tập huấn nghiệp vụ Đăng kiểm viên đường sắt

1. Chương trình tập huấn đối với Đăng kiểm viên đường sắt

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp, quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt;

b) Hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình liên quan đến công tác đăng kiểm đường sắt;

c) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm tra, các chương trình phần mềm quản lý phương tiện giao thông đường sắt;

d) Nghiệp vụ kiểm tra định kỳ, sản xuất lắp ráp và hoán cải phương tiện giao thông đường sắt;

đ) Nghiệp vụ thẩm định hồ sơ thiết kế hoán cải phương tiện giao thông đường sắt;

e) Nghiệp vụ kiểm tra không phá hủy;

g) Nghiệp vụ đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị.

2. Chương trình tập huấn đối với Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

a) Tập huấn nghiệp vụ thẩm định hồ sơ thiết kế mới phương tiện, thiết bị;

b) Nghiệp vụ kiểm tra nhập khẩu các loại phương tiện giao thông đường sắt;

c) Nghiệp vụ tham gia phân tích, xác định nguyên nhân sự cố tai nạn giao thông đường sắt khi có yêu cầu.

Điều 10. Đánh giá, công nhận, công nhận lại và thu hồi Quyết định công nhận Đăng kiểm viên đường sắt

1. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt và quy định cụ thể quy chế làm việc của Hội đồng.

2. Hội đồng lập chương trình sát hạch, nội dung sát hạch cụ thể cho Đăng kiểm viên đường sắt.

3. Hội đồng tổ chức sát hạch nghiệp vụ của Đăng kiểm viên đường sắt và lập báo cáo đánh giá.

4. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận và công nhận lại Đăng kiểm viên đường sắt trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng.

5. Quyết định công nhận Đăng kiểm viên đường sắt có thời hạn 05 (năm) năm. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi Quyết định công nhận Đăng kiểm viên đường sắt hết hiệu lực, Đăng kiểm viên đường sắt có trách nhiệm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức sát hạch nghiệp vụ để công nhận lại Đăng kiểm viên đường sắt theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Đăng kiểm viên đường sắt bị thu hồi Quyết định công nhận Đăng kiểm viên đường sắt khi bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên đối với những vi phạm sau:

a) Vi phạm các quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình về kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt;

b) Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Chương IV

CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM ĐƯỜNG SẮT

Điều 11. Trụ sở làm việc của tổ chức đăng kiểm đường sắt

Tổ chức đăng kiểm đường sắt phải có văn phòng làm việc và phòng lưu trữ hồ sơ.

Điều 12. Trang thiết bị kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt

1. Ngoài các trang thiết bị văn phòng thông thường, tổ chức đăng kiểm đường sắt phải có tối thiểu trang thiết bị kiểm tra phục vụ đăng kiểm đường sắt, bao gồm:

a) Dụng cụ đo kích thước (dụng cụ đo kích thước bánh xe, pan me, thước cặp, thước đo các loại);

b) Thiết bị kiểm tra nhiệt độ;

c) Thiết bị kiểm tra cách điện;

d) Thiết bị kiểm tra vòng quay;

đ) Thiết bị kiểm tra lưu lượng gió;

e) Thiết bị kiểm tra chiều dày vật liệu;

g) Thiết bị kiểm tra độ ồn;

h) Thiết bị kiểm tra cường độ sáng;

i) Thiết bị thử hãm đơn xa;

k) Thiết bị đo cường độ từ trường.

2. Các thiết bị phải được kiểm chuẩn định kỳ theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Thông tư số 40/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường sắt hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 14. Quy định chuyển tiếp

1. Các Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên đường sắt đã được công nhận theo Thông tư số 40/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tiếp tục được duy trì đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.

2. Các Đăng kiểm viên trên 50 tuổi hiện đang là Đăng kiểm viên đường sắt trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được miễn chứng chỉ ngoại ngữ khi xem xét công nhận lại.

Điều 15. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

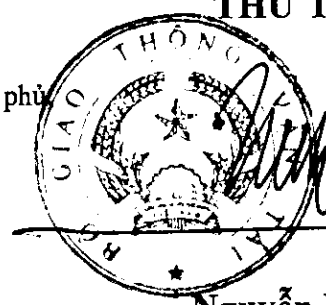
Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 16;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (Ưng).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Đông